

Số: /BC-CTK

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn biến khó lường. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại.

Trong tình, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bước vào năm 2020 gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là “khó khăn kép” vừa bị hạn hán gay gắt, vừa bị tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống kinh tế - xã hội của Tỉnh. Trước tình hình đó, quán triệt phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”, UBND tỉnh đã bám sát và triển khai quán triệt kịp thời Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và các nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2023 đồng thời chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, quyết liệt, kịp thời thực hiện “mục tiêu kép”, vừa bảo đảm mục tiêu phòng chống đại dịch Covid-19 và ứng phó hiệu quả hạn hán, vừa bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tình hình kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng ở mức cao so cả nước, thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do ảnh hưởng của hạn hán giảm đáng kể, hoạt động chăn nuôi duy trì và phát triển, khai thác thủy sản tăng; hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trưởng mạnh, các khâu đột phá về hạ tầng truyền tải và năng lượng tái tạo có chuyển biến tích cực, khắc phục tình trạng giảm phát các dự án năng lượng tái tạo; tổng mức đầu tư toàn xã hội vượt kế hoạch đề ra, cơ cấu đầu tư chuyển dịch đúng hướng; số doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh; công tác phòng chống

dịch, nhất là dịch Covid-19 được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả đã kiểm soát, khống chế được dịch bệnh, không để lây lan, bùng phát trong cộng đồng; công tác phòng chống hạn được chủ động triển khai và đạt kết quả khá tích cực; vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo được thực hiện tốt hơn; công tác tổ chức cho nhân dân vui xuân đón Tết Nguyên Đán đạt được mục tiêu; quân sự quốc phòng được giữ vững; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo. Đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIV.

Trên cơ sở số liệu thống kê chính thức 11 tháng và dự ước tháng còn lại, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2020 cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

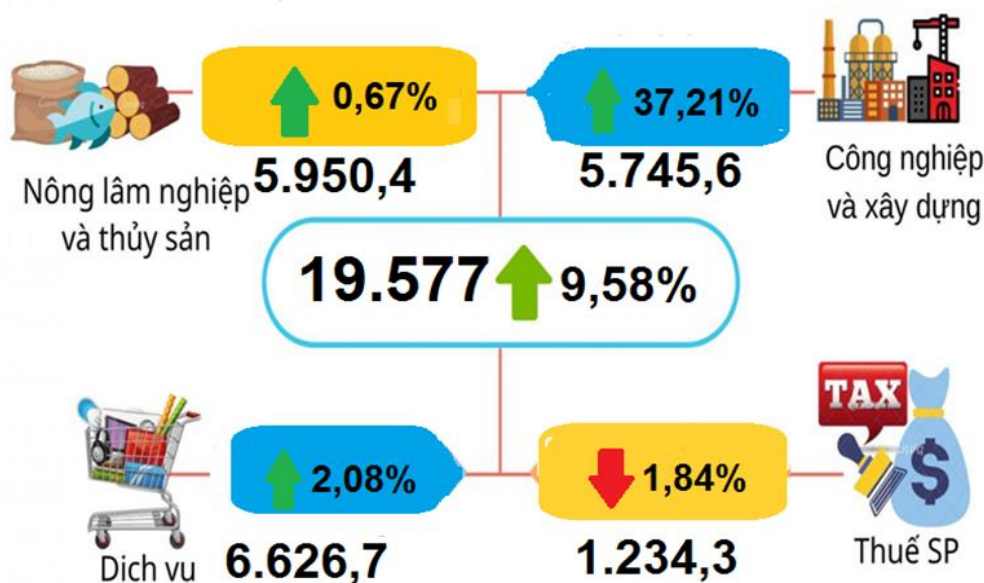
I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố năm 2020 cho các tỉnh/thành phố vào ngày 30 tháng 11 năm 2020).

Tổng sản phẩm trong Tỉnh (GRDP) năm 2020 ước tăng 9,58% so với năm 2019; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,67%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 37,21%, đóng góp 8,73 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 2,08%, đóng góp 0,76 điểm phần trăm; thuế sản phẩm giảm 1,84%, đóng góp giảm 0,13 điểm phần trăm.

TỔNG SẢN PHẨM (GRDP) TRÊN ĐỊA BÀN (Tỷ đồng) NĂM 2020

Giá so sánh 2010 (so với cùng kỳ)

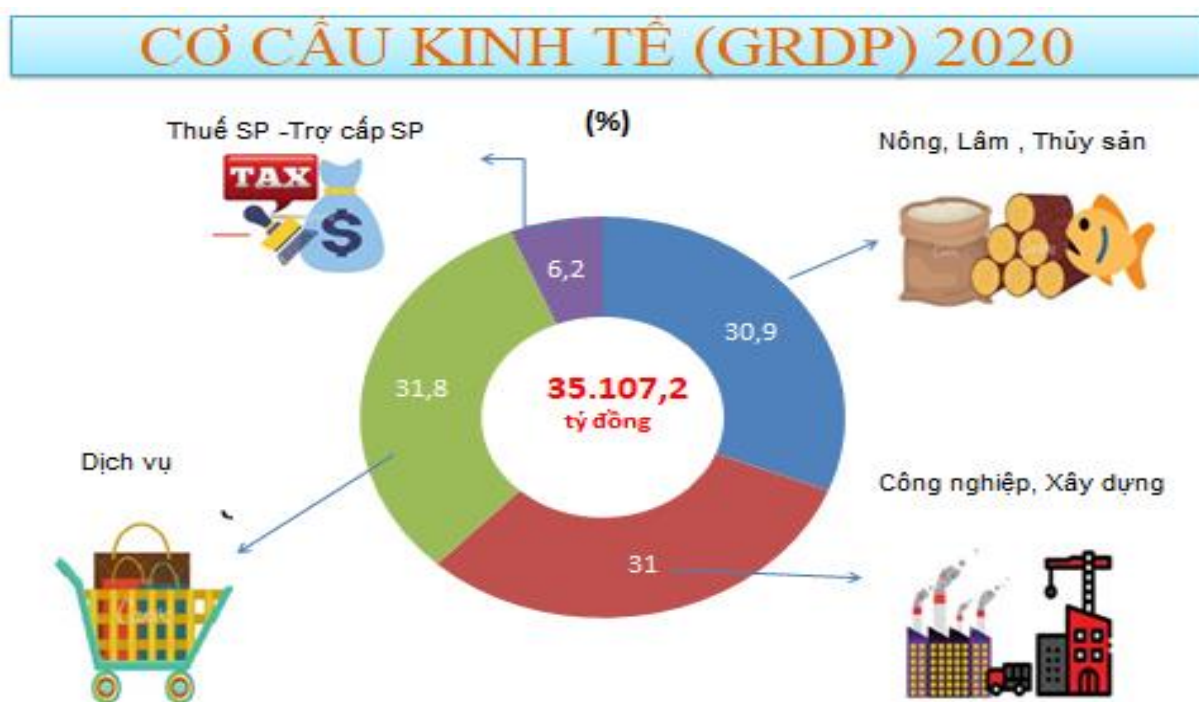


Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; ngành nông nghiệp giảm 6,38% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp giảm 0,87 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; ngành lâm nghiệp tăng 1,17%, đóng góp 0,004 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 5,65%, đóng góp 1,09 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng; ngành công nghiệp tăng 58,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 36,88%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 5,77%, đóng góp giảm 0,29 điểm phần trăm; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt... tăng 129,93%, đóng góp 6,81 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 15,46%, đóng góp 1,78 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 4,84% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,28 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; vận tải kho bãi giảm 7,75%, đóng góp giảm 0,18 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 9,83%, đóng góp giảm 0,39 điểm phần trăm; hoạt động thông tin và truyền thông tăng 4,66%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,44%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; hoạt động giáo dục và đào tạo, đạt mức tăng 5,06%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm...

Về cơ cấu kinh tế (GRDP) năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 30,9%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 31%; khu vực dịch vụ chiếm 31,9%; thuế sản phẩm chiếm 6,2%. (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 33,3%; 24,9%; 34,8%; 7%).



- + Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 80 triệu USD, giảm 20% so với năm 2019.
- + Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 tăng 5,15% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng cao nhất trong 4 năm gần đây.
- + Dân số trung bình 593.644 người, tăng 0,44% so với năm 2019.
- + Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,23‰, tăng 0,09‰ so với năm 2019.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán và mưa lũ; dịch Covid-19 trên thế giới diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ nông sản. Trước những khó khăn đó, ngành Nông nghiệp đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả nên kết quả sản xuất đạt khá, lúa Đông xuân và Hệ thu tuy diện tích giảm nhưng được mùa, được giá; sản lượng các loại cây lâu năm có mức tăng trưởng khá; chăn nuôi phát triển ổn định; sản xuất giống thủy sản tăng trưởng mạnh. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thể hiện vai trò bộ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu.

NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán và mưa lũ; dịch Covid-19 trên thế giới diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ nông sản.

NÔNG NGHIỆP



Diện tích gieo trồng
lúa cả năm

(so cùng kỳ 2019)



Sản lượng lúa
cả năm

LÂM NGHIỆP



Sản lượng gỗ khai thác

THỦY SẢN



Sản lượng thủy sản

2.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2020

a. Trồng trọt

CÂY HÀNG NĂM:

Diện tích gieo trồng: Diện tích thực hiện năm 2020 đạt 68.600 ha, giảm 16,6% so năm 2019. Cụ thể: Cây lúa đạt 32.508,4 ha, giảm 26,7%; Cây ngô và cây lương thực khác 10.601,8 ha, giảm 5,9%; Cây lấy củ có chất bột 5.377,8 ha, tăng 13,3%, tăng mạnh 16% ở diện tích trồng sẵn do sẵn là cây chịu hạn tốt, được hộ dân trồng chuyển đổi thay thế trên nền những cây trồng chịu hạn; Cây mía 2.346,9 ha, giảm 34,1%, do nguồn đầu ra không ổn định, giá mía một vài năm gần đây bấp bênh, các hộ dân phá gốc và trồng thay thế các cây có giá trị kinh tế hơn; Cây thuốc lá thực hiện 52 ha, tăng 15,6%; Cây có hạt chứa dầu 1.044,2 ha, giảm 4,6%, chủ yếu là cây đậu phộng thực hiện 859,9 ha, tăng 5,1%; Cây rau đậu, hoa cây cảnh 11.939,3 ha, giảm 5,9%; Cây hàng năm khác thực hiện 4.726,6 ha, tăng 4,5%, trong đó, cây ớt ước đạt 648,5 ha, giảm 8,4%; Cây cỏ voi 3.436,3 ha, tăng 2,1%, tăng diện tích cỏ trồng phù hợp để phát triển chăn nuôi gia súc.

Năng suất, sản lượng cây trồng: Ước năng suất lúa cả năm 2020 đạt 61,7 tạ/ha, tăng 2,5 tạ/ha so năm 2019¹. Ước tính sản lượng lúa cả năm đạt 200.706 tấn, giảm 23,6% so năm 2019 do diện tích gieo trồng giảm mạnh, giảm 26,7% so cùng kỳ, năng suất các vụ vẫn cao hơn so cùng kỳ do kỹ thuật sản xuất được nâng cao, công tác phòng chống sâu bệnh trên cây lúa thực hiện tốt, diện tích cây nhiễm các loài sinh vật gây hại trong vụ giảm đáng kể. Sản lượng ngô ước đạt 46.889 tấn, giảm 1,3%; sản lượng rau các loại đạt 156,6 nghìn tấn, tăng 4,3%²; sản lượng đậu các loại ước đạt 2,7 nghìn tấn, giảm 18,3%...

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Trong vụ Đông Xuân, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 903,95/591,2 ha, đạt 152,9% KH³. Vụ Hè Thu, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 424,3/320 ha, vượt 32,6% KH⁴.

Mô hình cánh đồng lớn: Vụ Đông xuân: Thực hiện sản xuất cánh đồng lớn lúa với 2.196,4 ha; cánh đồng lớn măng tây xanh quy mô 35 ha; cánh đồng lớn ngô với qui mô 80 ha. Vụ Hè thu: Thực hiện cánh đồng lớn lúa với qui mô diện tích 2.372,9 ha. Phát triển và duy trì cánh đồng lớn măng tây với qui mô 50 ha tại xã An Hải và xã Phước Hải. Cánh đồng lớn ngô với quy mô 130 ha.

¹ Trong đó: vụ Đông xuân đạt 66,7 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha; vụ Hè thu đạt 63,6 tạ/ha, tăng 3,6 tạ/ha so cùng kỳ. Vụ mùa ước đạt 53,4 tạ/ha, tăng 3,2 tạ/ha so vụ mùa 2019.

² Trong đó: sản lượng rau lấy lá đạt 25,8 nghìn tấn, giảm 6,6%; sản lượng rau lấy quả ước đạt 19 nghìn tấn, tăng 11,4%; sản lượng rau lấy củ, rễ hoặc thân ước đạt 91,5 nghìn tấn, tăng 15,7% so cùng kỳ.

³ Trong đó: cây ngắn ngày 833,65 ha (Bắp, kiệu, dưa, rau đậu các loại); cây dài ngày bền vững 70,3 ha.

⁴ Trong đó, diện tích chuyển đổi trên đất lúa 189,3 ha và trên đất khác là 235 ha; Diện tích chuyển đổi luân canh 301,8 ha và chuyển đổi bền vững lâu dài 122,5 ha.

Bên cạnh những thành quả đạt được, khó khăn do tình hình hạn hán kéo dài làm diện tích phải tạm dừng gieo trồng lớn⁵ và gây thiệt hại 277 ha⁶; đồng thời lượng nước 21 hồ chứa đến ngày 18/11/2020 chỉ đạt 105 triệu m³, bằng 53,9% dung tích thiết kế, dự báo tình hình còn tiếp tục khó khăn, ở một số nơi đang khó khăn về nguồn nước tưới trong năm 2021.

CÂY LÂU NĂM:

Tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh năm 2020 thực hiện được 12.580,9 ha, tăng 3,8% so với năm 2019; trong đó: cây ăn quả đạt 6.627,4 ha, tăng 2,3% so cùng kỳ (tăng 150,6 ha). Một số cây ăn quả tăng do mở rộng trồng mới như: Xoài hiện có 578,2 ha, tăng 17,5% (trồng mới 60 ha); Chuối 1.343,3 ha (trồng mới 71,2 ha); Sầu riêng 107,2 ha, tăng 11,6% (trồng mới 11,6 ha); Mãng cầu 379 ha tăng 10% (trồng mới 53 ha); Đu đủ tăng 7,7% so cùng kỳ... Cạnh một số các cây diện tích do năng suất thấp, phá gốc như: Diện tích nho hiện có 1.191,4 ha, giảm 2,4% so cùng kỳ (trồng mới 27,2 ha); Táo 980,7 ha, giảm 1,3% (trồng mới 17,6 ha). Một số giảm do chuyển đổi sang trồng nhưng cây khác phù hợp với khí hậu như: Thanh long hiện có 29,7 ha, giảm 16,2%; Hồng xiêm 7,1 ha, giảm 31,1%; Dứa giảm 22,2% so cùng kỳ;....

Các nhóm cây trồng khác như: Dừa, điều,... diện tích tăng tương đối cao so các năm. Dừa hiện có 364,1 ha, tăng 7,8% so cùng kỳ, Điều có diện tích nhiều nhất 4.728,3 ha, tăng 7,6%, chủ yếu từ Dự án Bảo vệ và phát triển rừng, chịu khô hạn, nắng nóng, dùng trồng phủ xanh đồi trọc, trồng mới trong năm 473,8 ha, tăng 83,4% so năm trước.

Năng suất và sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu:

Cây Nho: Diện tích cho sản phẩm ước đạt 1.130,3 ha, tăng 2% so năm 2019; năng suất ước đạt 233 tạ/ha, tăng 4 tạ/ha do thuận thời tiết ngay thời điểm ra bông, đậu trái; cạnh đó nhiều giống nho có năng suất cao được nhân rộng, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm mở rộng⁷, sản lượng ước đạt 26,3 nghìn tấn, tăng 3,8% so năm trước bên cạnh diện tích thu hoạch tăng 2%.

Cây Xoài: Diện tích đang cho sản phẩm 396,1 ha, tăng 19,8% so cùng kỳ, năng suất đạt 118,6 tạ/ha, tăng 2,6 tạ/ha so cùng kỳ, một số hộ dân sử dụng bao, bọc trái nhằm giảm thiểu tình trạng ruồi vàng đục phá, một số giống xoài mới cho

⁵ Tổng diện tích tạm dừng 22.874,6 ha, trong đó vụ ĐXuân dừng 7.873,8 ha; vụ Hè Thu dừng 8.188,8 ha, vụ mùa 6.812 ha.

⁶ Thiệt hại 277 ha cây trồng các loại (lúa: 89,5 ha; cây màu: 48,55 ha; cây ăn quả: 63,4 ha, cây lâm nghiệp 9 ha, cây CN 62,95 ha).

⁷ Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị Nho: Đã thực hiện được 04 liên kết, với quy mô 93 ha/225 hộ dân, do các HTX Thành Sơn chủ trì ký hợp đồng trực tiếp liên kết với công ty TNHH sản xuất và thương mại nông sản Thái Thuận; DNTN sản xuất - thương mại Ba Mọi liên kết tiêu thụ sản phẩm với nông dân. Riêng HTX Evergreen, Thái An không liên kết với doanh nghiệp nhưng HTX đã tổ chức cho các tổ viên sản xuất theo 01 quy trình chung, được HTX giám sát suốt quá trình sản xuất và trực tiếp thu mua sản phẩm cung ứng cho các siêu thị.

năng suất cao được nhân giống trồng rộng rãi, nâng cao năng suất cây trồng hiện nay. Sản lượng xoài 4,69 nghìn tấn, tăng 22,5% so năm 2019.

Cây Chuối: Diện tích cho sản phẩm 1.151,2 ha, tăng 0,9% so cùng kỳ; năng suất ước đạt 114,6 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha. Trong năm, do ảnh hưởng mưa lớn làm ngã đổ một số cây đang cho sản phẩm, nhiều diện tích chuối trồng thả trên đồi núi, ít được chăm sóc, năng suất chưa cao. Sản lượng chuối cả năm ước đạt 16,6 tấn, tăng 0,2% so cùng kỳ.

Cây Táo: Diện tích đang cho sản phẩm 941,6 ha, tăng 2,8% so cùng kỳ; năng suất 384,5 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha; tổng sản lượng táo thu hoạch năm 2020 ước đạt 36,2 nghìn tấn, tăng 2,7%. Nhằm giảm thiểu tình trạng gây hại do sâu bệnh trên cây trồng, các sở ngành phối hợp với các địa phương nhân rộng mô hình “bao lưới chống ruồi vàng” trên cây táo với diện tích 157,68 ha/567 hộ, chiếm 16% diện tích táo trên toàn tỉnh, giảm tỷ lệ trái táo bị hư hại từ 5-10%; giảm số lần phun thuốc từ 18-22 lần/vụ; năng suất bình quân cao hơn so với táo trồng không bao lưới.

Cây Điều: Diện tích cho sản phẩm 3.308,5 ha, tăng 8% so năm 2019, năng suất đạt 3,4 tạ/ha, giảm 0,06 tạ/ha so cùng kỳ, do phần lớn diện tích điều già cỗi, trồng trên đất khô cằn, ít chăm sóc, thời điểm cho sản phẩm gặp nắng nóng nên khả năng đậu trái thấp. Năng suất cây điều thuộc cây có năng suất thấp, hiệu quả kinh tế không cao, được trồng nhằm che phủ rừng là chủ yếu. Sản lượng thu hoạch 1,1 nghìn tấn, tăng 6,3% so cùng kỳ. Thực hiện mô hình liên kết tiêu thụ điều⁸.

b. Chăn nuôi

Chăn nuôi trâu, bò trong năm 2020 nhìn chung ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn trâu quy mô nhỏ do hiệu quả kinh tế không cao. Đàn bò phát triển khá do có thị trường tiêu thụ tốt, người chăn nuôi có lãi. Tính đến tháng 12/2020, đàn trâu có 3,9 nghìn con, tăng 2,4% so với cùng thời điểm năm 2019; đàn bò 120 nghìn con, tăng 1%. Sản lượng thịt hơi các loại năm nay đạt cao, trong đó sản lượng thịt trâu cả năm ước đạt 187,1 tấn, tăng 54,9% so với năm trước (quý IV đạt 32,6 tấn, tăng 4,5%); sản lượng thịt bò đạt 7.111,4 tấn, tăng 48,4% (quý IV đạt 1.215,7 tấn, tăng 8,4%).

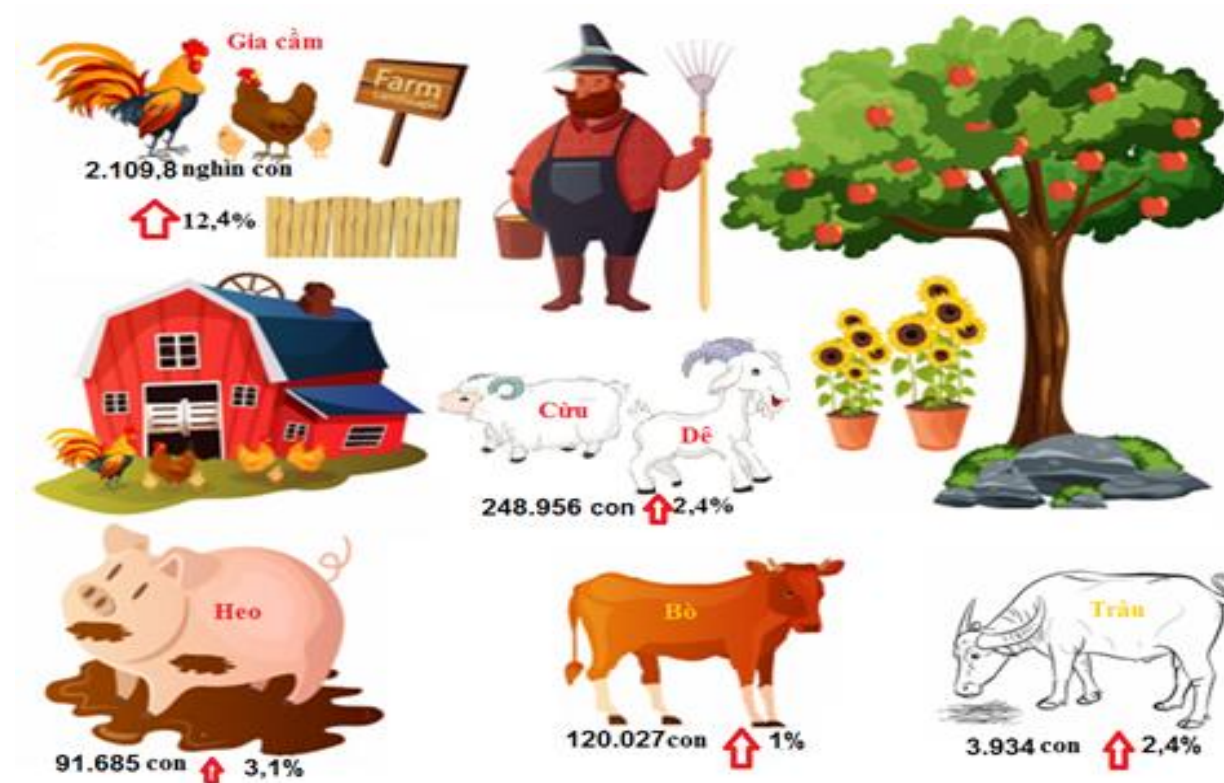
Tổng đàn heo trong năm tăng lên do tác động của thị trường tiêu thụ, giá heo hơi tăng mạnh liên tục từ cuối năm 2019 đến hết tháng 6 năm nay, giảm xuống đến tháng Mười Một chững lại (giá 76,15 nghìn đồng/kg), tần suất xuất chuồng tăng không nhiều; mặt khác còn ảnh hưởng dịch tả lợn châu Phi đã làm giảm nhu cầu tiêu dùng và sức cung ứng người nuôi. Đàn heo của tỉnh tháng 12/2020 đạt hơn

⁸ Hợp tác xã Điều hữu cơ Truecoop tham gia liên kết sản xuất Điều hữu cơ với tổng diện tích 1.155,5 ha, tập trung tại huyện Thuận Bắc và huyện Bắc Ái (vườn Quốc gia Núi Chúa 551,3 ha và xã Phước Bình 604,2 ha). Số diện tích này đã được Hợp tác xã cấp giấy chứng nhận về sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn EU và USDA và thu mua toàn bộ sản phẩm với giá bình quân 41.000 - 42.000 đồng/kg, cao hơn giá thị trường tại thời điểm 1.000 - 2.000 đồng/kg.

91,6 nghìn con, tăng 3,1% so cùng thời điểm năm 2019, trong đó: heo thịt gần 61 nghìn con, chiếm 66,5%, giảm 2,4% so cùng kỳ; heo nái 11 nghìn con, chiếm 12% tổng đàn và giảm 2,7%. Sản lượng thịt heo hơi xuất chuồng cả năm 2020 ước đạt 17.865 tấn, tăng 4,6% so với năm 2019 (quý IV ước đạt 5.055,9 tấn, tăng 3,8%).

Đàn dê cừu phát triển bình thường, ít biến động, mức độ tái lập đàn nhanh, tiêu thụ tốt nên giá ngày càng tăng. Khác với năm trước, giá thịt dê hơi và cừu hơi vào các tháng cuối năm không tăng mà có xu hướng giảm, chững lại, bình quân giá dê hơi 125,57 nghìn đồng/kg, giá cừu hơi 111,64 nghìn đồng/kg. Xu hướng nuôi dê quy mô nhỏ ở đồng bằng và nuôi cừu quy mô lớn ở vùng núi được người nuôi mở rộng và phát triển mạnh. Ước tính tháng 12/2020, đàn dê, cừu có 249 nghìn con, tăng 2,4% so cùng thời điểm năm 2019⁹. Sản lượng xuất chuồng cả năm ước đạt 4.815,3 tấn, tăng 23,1% so cùng kỳ¹⁰.

Chăn nuôi gia cầm trong năm nhìn chung ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt, nhu cầu và giá tăng cao nên đàn phát triển khá cả số lượng và chất lượng, dần cung ứng thay thế một phần thịt heo. Tổng đàn gia cầm tháng Mười Hai 2.109,8 nghìn con, tăng 12,4% so cùng thời điểm năm 2019; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng cả năm ước đạt 6.015,6 tấn, tăng 10,1% so với năm 2019 (quý IV đạt 1.486,5 tấn, tăng 15,6%); sản lượng trứng gia cầm cả năm 73.660 nghìn trứng, giảm 9,2% (quý IV đạt 23.492,6 nghìn trứng, tăng 15,9%).



⁹ Trong đó: đàn dê 132 nghìn con, tăng 2,8%; cừu 117 nghìn con, tăng 1,9%

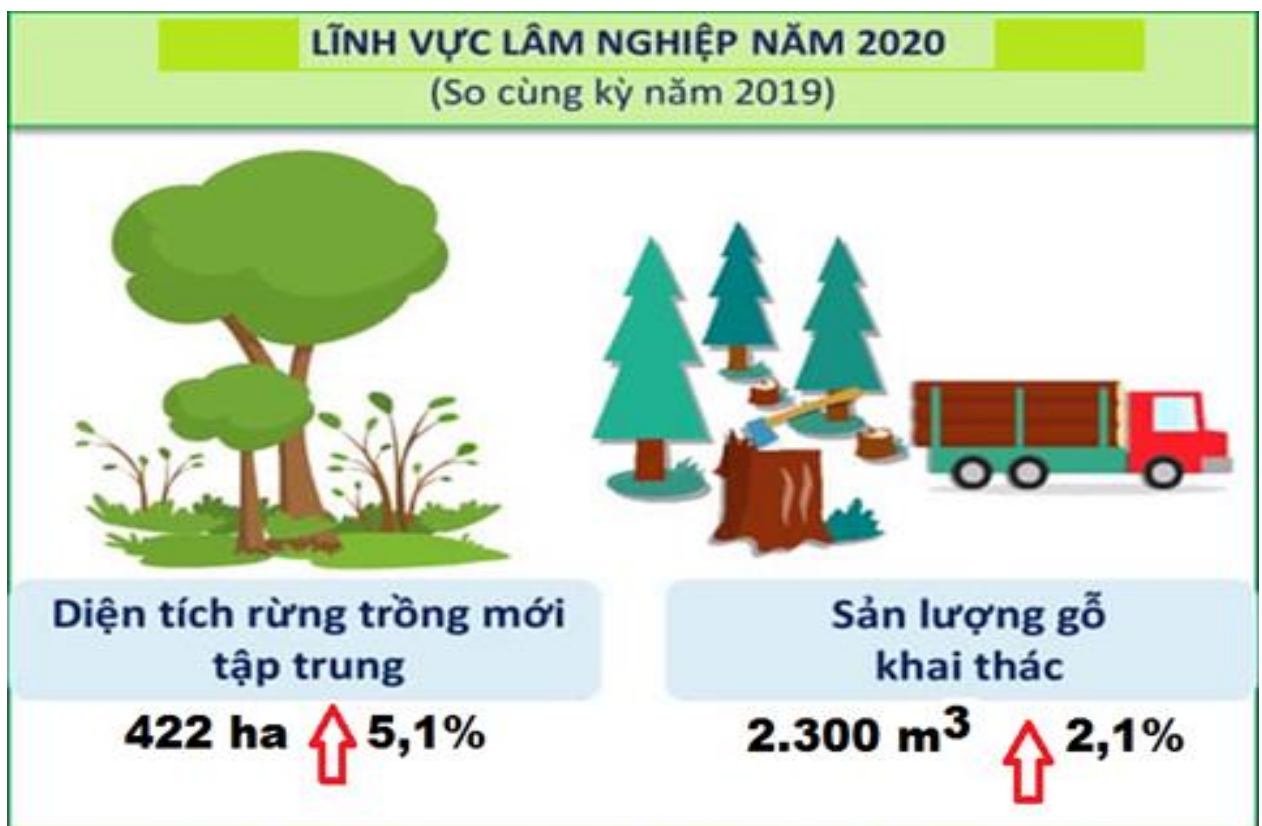
¹⁰ Trong đó: dê 2.260,5 tấn, tăng 20,4%; cừu 2.554,8 tấn, tăng 25,7%

Tình hình dịch bệnh trong năm 2020 chỉ xuất hiện rải rác một số bệnh truyền nhiễm như Tụ huyết trùng trên trâu bò, bệnh Newcastle, Gumboro trên gà tại một số địa phương, nhưng được phát hiện sớm và khống chế kịp thời. Riêng đối với bệnh Dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt, không có ổ dịch bệnh nào xảy ra.

b. Lâm nghiệp

Trong quý IV/2020, diện tích rừng trồng mới tập trung cả tỉnh ước tính đạt 342 ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 279,1 m³, tăng 3,2%; sản lượng củi khai thác đạt 2.246,3 ste, tăng 2%.

Năm 2020, diện tích rừng trồng mới tập trung cả tỉnh ước tính đạt 422 ha, tăng 5,1% so với năm 2019; sản lượng gỗ khai thác đạt 2,3 nghìn m³, tăng 2,1%; sản lượng củi khai thác đạt hơn 16,2 nghìn ste, tăng 2%.



Diện tích rừng bị thiệt hại quý IV/2020 là 9,8 ha, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm trước, toàn bộ là diện tích rừng bị chặt, phá. Tính chung năm 2020, diện tích rừng bị thiệt hại là 15,9 ha, giảm 31,7% so với năm 2019, toàn bộ là diện tích rừng bị chặt, phá.

c. Thủy sản

Sản xuất thủy sản năm nay tăng về sản lượng khai thác và giảm nuôi trồng. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 ước đạt 128,4 nghìn tấn, tăng 3,3% so với năm 2019. Chia ra: sản lượng nuôi trồng ước đạt 9,7 nghìn tấn, giảm 9,6%; sản lượng

khai thác ước đạt 118,7 nghìn tấn, tăng 4,5%¹¹. Sản xuất giống thủy sản ước năm 2020 đạt 41.682,9 triệu con, tăng 19,7% so năm 2019 do hiện nay tôm giống Ninh Thuận đã phát triển có thương hiệu, công tác kiểm dịch chặt chẽ, công khai thông tin trên website để người mua nắm bắt; trong đó: sản xuất tôm Post giống 41.299,9 triệu con, tăng 19,8%¹².

LĨNH VỰC THỦY SẢN

Sản xuất thủy sản năm nay tăng về sản lượng khai thác và giảm nuôi trồng. Thời tiết biển trong năm nhìn chung thuận lợi, lượng cá xuất hiện nhiều, nhất là cá cơm, cá nục phù hợp với nghề khai thác truyền thống pha xúc, lưới vây của tỉnh

Sản lượng khai thác



118,7 nghìn tấn

↑ 4,5%
(so cùng kỳ 2019)



Sản lượng nuôi trồng



9,7 nghìn tấn

↓ 9,6%
(so cùng kỳ 2019)

Thời tiết biển trong năm nhìn chung thuận lợi, lượng cá xuất hiện nhiều, nhất là cá cơm, cá nục phù hợp với nghề khai thác truyền thống pha xúc, lưới vây của tỉnh. Đàn cá cơm xuất hiện nhiều từ tháng 2 đến tháng 9, sau đó giảm dần trong quý IV, đỉnh điểm cá xuất hiện nhiều nhất từ cuối tháng 6 đến hết tháng 9 và giảm dần trong quý IV. Sản lượng khai thác biển ước đạt 118,6 nghìn tấn, tăng 4,5% so năm 2019¹³. Sản lượng thủy sản biển khai thác của tỉnh chủ yếu là cá cơm, cá nục. Năm 2020, ước sản lượng cá cơm và cá nục đạt 95,7 nghìn tấn, tăng 7,9% so cùng kỳ, chiếm 80,6% tổng sản lượng khai thác biển.

Tình hình sản xuất giống thủy sản của tỉnh năm 2020 khá thuận lợi, các cơ sở sản xuất giống hoạt động liên tục, do điều kiện thời tiết khá ổn định, quá trình

¹¹ Chủ yếu là khai thác biển 118,6 nghìn tấn, tăng 4,5%.

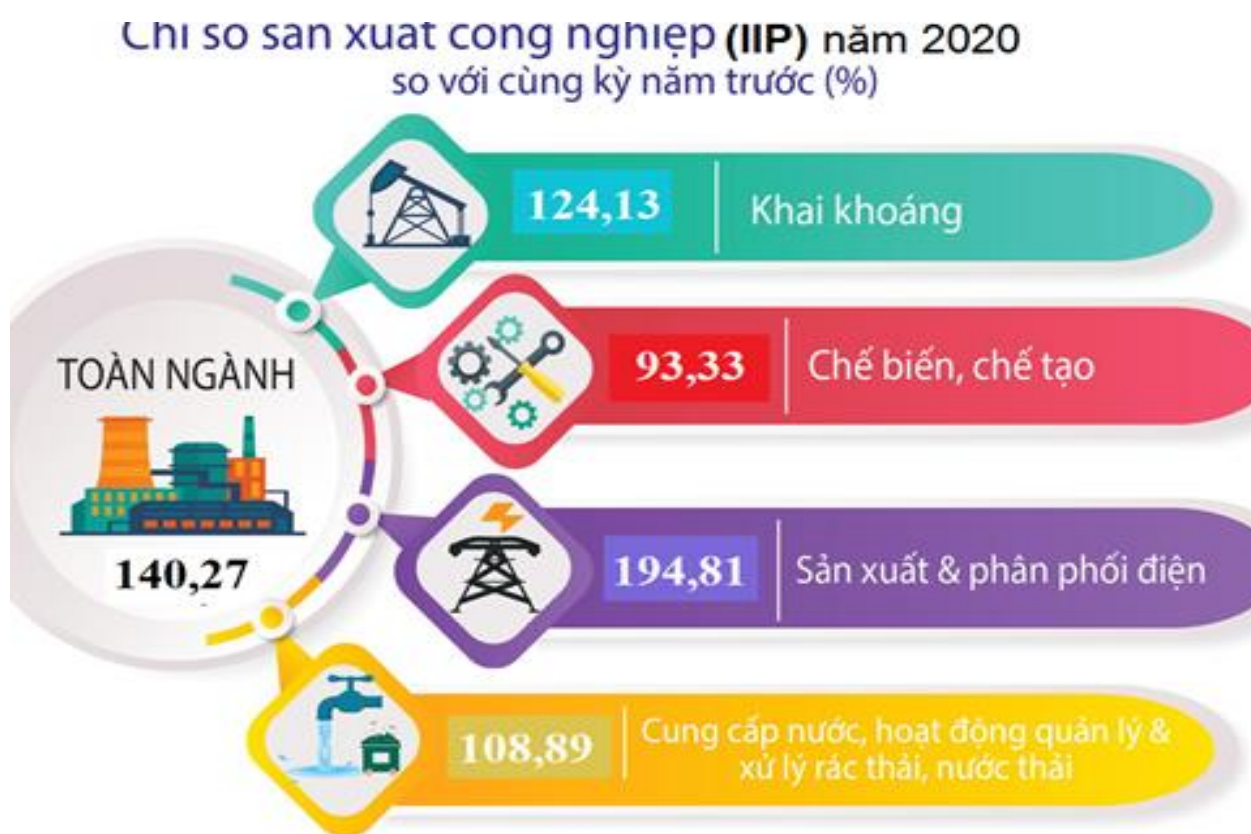
¹² Chia ra: tôm sú giống 8.000 triệu con, tăng 29%; tôm thẻ giống 33.299.9 triệu con, tăng 17,8%.

¹³ Chia ra: Cá 113,8 nghìn tấn, tăng 3,8%; Tôm 0,6 nghìn tấn, tăng 4,3%; Hải sản khác 4,2 nghìn tấn, tăng 26,5%.

ương nuôi khá hiệu quả, kết hợp việc ký kết biên bản hợp tác tăng cường công tác công tác quản lý chất lượng giống thủy sản với các tỉnh miền Tây nên hạn chế được tình trạng xuất tôm dạng “hàng chợ”. Tôm giống Ninh Thuận hiện nay đã có thương hiệu, được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp nhãn hiệu chứng nhận “Tôm giống Ninh Thuận” và đã tạo được uy tín trên thị trường toàn quốc. Qua khảo sát tại các thị trường thì tôm giống Ninh Thuận vẫn là thị trường lựa chọn hàng đầu, chiếm thị phần lớn chính tại các tỉnh nuôi tôm.

3. Sản xuất công nghiệp

Ngành công nghiệp năm 2020 duy trì tăng trưởng cao với tốc độ tăng giá trị tăng thêm so với năm trước đạt 37,21%, trong đó công nghiệp sản xuất và phân phối điện giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế (tăng 129,93%), bảo đảm cung cấp đủ cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; khai khoáng tăng cao 36,88% nhờ khai thác muối biển tăng mạnh, bù đắp cho sự sụt giảm của phần lớn các sản phẩm trong nhóm.



Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2020 ước tính tăng 37,21% so với năm 2019 (6 tháng đầu năm tăng 48,61%; 6 tháng cuối năm tăng 26,97%). Trong đó, ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện tiếp tục là điểm sáng của toàn ngành với mức tăng 129,93% (6 tháng đầu năm tăng 237,7%; 6 tháng cuối năm tăng 59,56%), đóng góp 6,81 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 36,88%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác

thải, nước thải tăng 8,83%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm; ngành chế biến, chế tạo tiếp tục giảm 5,77% liên tiếp 2 năm¹⁴ do bia đóng lon giảm 34,1% so với năm trước và các sản phẩm khác trong nhóm giảm, đóng góp giảm 0,29 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, **một số ngành có chỉ số sản xuất năm 2020 tăng cao so với năm trước**, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 94,81%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 68,55%; khai khoáng khác tăng 24,13%; In, sao chép bản ghi các loại tăng 11,82%; Khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 11,16%; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 9,14%. **Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm:** Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu tăng 1,64%; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 0,96%; Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 1,49%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 1,6%; Sản xuất trang phục giảm 1,69%; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 1,85%; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 3,29%; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 4,19%; dệt giảm 4,45%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 5,85%; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 17,32%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 18,63%; Sản xuất đồ uống giảm 30,11%; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 68,8%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm nay tăng cao so với năm trước: Điện mặt trời tăng 147,8%; Điện gió tăng 58,5%; Muối biển tăng 60,6%; Xi măng Portland đen tăng 29,1%; Tinh bột khác tăng 24,7%; Nước uống được tăng 11,2%. Tôm đông lạnh tăng 9,4%. **Nhiều sản phẩm tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ:** Thạch Nha đam tăng 1,4%; Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc giảm 2,2%; Đá xây dựng khác giảm 3,4%; Thủy điện giảm 4,5%; Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp giảm 4,9%; Muối chế biến (muối iốt, muối tinh, muối xay, bột canh, bột gia vị...) giảm 10,3%; Hạt điều khô giảm 11,2%; Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ... giảm 11,8%; Các loại đá lót, đá lót lề đường và phiến đá lót đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến) giảm 15,1%; Phân vi sinh giảm 17,3%; Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) giảm 27%; Nước yến và nước bổ dưỡng khác giảm 28,8%; Tinh bột sắn, bột dong riềng giảm 31,5%; Bia đóng lon giảm 34,1%; Đường RS giảm 51,9%.

¹⁴ Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành khai khoáng các năm 2016-2020 lần lượt là: giảm 1,43%; tăng 7,66%; tăng 10,56%; giảm 2,72%; giảm 5,77%.

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu ước năm 2020 so với 2019



Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Chỉ số sản xuất giảm 6,67% so với năm 2019; Chỉ số tiêu thụ toàn ngành giảm 8,05%; Chỉ số tồn kho tăng 13,73% so với cùng thời điểm năm trước; và Chỉ số sử dụng lao động giảm 0,31%.

Hoạt động ngành công nghiệp tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, nhiều dự án điện gió, điện mặt trời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, dự án điện mặt trời 450 MW kết hợp đầu tư hạ tầng truyền tải 500 kV và các dự án hạ tầng truyền tải khác được tập trung đầu tư hoàn thành, đã tạo đột phá trong giải quyết giảm phát các dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh; sản lượng điện sản xuất năm 2020 ước đạt 4.589 triệu kWh, tăng 65,5% so cùng kỳ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm đã hạn chế tốc độ tăng trưởng.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Năm 2020, doanh nghiệp (DN) thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký so với năm 2019, nhưng giảm về số lao động; trong đó đăng ký vào lĩnh vực sản xuất, phân phối điện phát triển mạnh với mức tăng gấp 3,8 lần số DN và gấp 6,7 số vốn so cùng kỳ 2019. Có 164 DN đăng ký bổ sung vốn điều lệ, với số vốn tăng thêm tăng 2,8 lần so cùng kỳ. Số DN tạm ngừng hoạt động còn ở mức cao, số DN quay trở lại hoạt động giảm và số DN hoàn tất thủ tục giải thể giảm.



Tính đến ngày 15/12/2020, mặc dù bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19, số doanh nghiệp (DN) thành lập mới tăng khá, đã có 647 DN thành lập mới với số vốn đăng ký đạt 6.550 tỷ đồng, tăng 25,1% số DN và tăng 58,1% vốn đăng ký so cùng kỳ; trong đó ở lĩnh vực sản xuất, phân phối điện phát triển mạnh với 181 DN/ vốn đăng ký 3.512 tỷ đồng, tăng gấp 3,8 lần số DN và gấp 6,7 số vốn so cùng kỳ; lĩnh vực xây dựng, tăng 38% so cùng kỳ (127 DN); lĩnh vực khai khoáng tăng 45,5% so cùng kỳ (16 DN). Số lao động đăng ký trong các doanh nghiệp thành lập mới là 3.980 lao động, bằng 50,4% so cùng kỳ. Tổng số DN đang hoạt động đến ngày 15/12/2020 có 3.664 doanh nghiệp/ vốn đăng ký 67.325 tỷ đồng; bình quân trên địa bàn tỉnh có 6 doanh nghiệp/1.000 dân (cả nước 7,9 DN/1.000 dân).

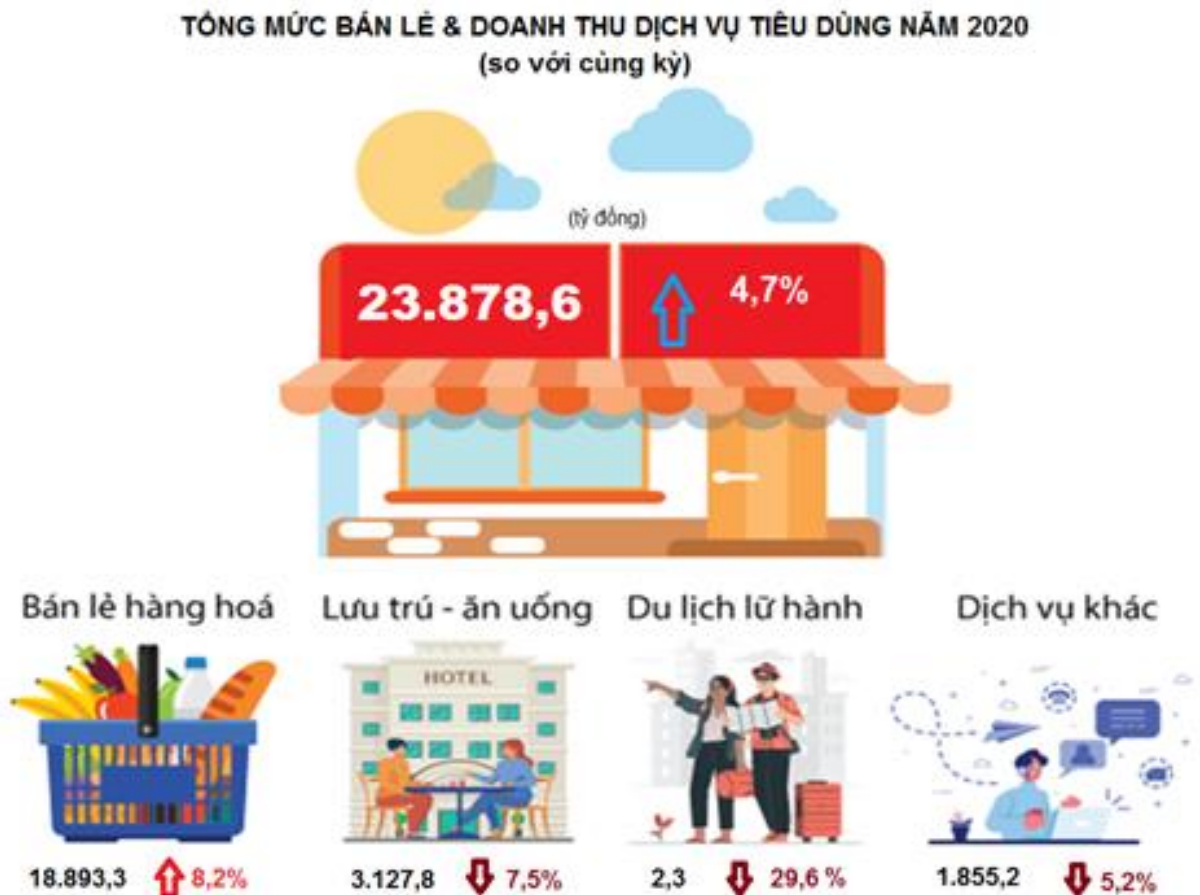
Nổi bật trong năm 2020, có 164 DN đăng ký bổ sung vốn điều lệ, với số vốn tăng thêm trên 14.589 tỷ đồng, tăng 2,8 lần so cùng kỳ, nâng tổng số vốn DN đăng ký đưa vào hoạt động trong nền kinh tế trên 21.139 tỷ đồng.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, trong năm 2020, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động còn ở mức cao, có 117 doanh nghiệp tạm ngừng, tăng 17% so cùng kỳ; 77 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 8,3% so cùng kỳ; 84 doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 13,4% so cùng kỳ.

5. Hoạt động dịch vụ

a. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2020 trên địa bàn tỉnh có nhiều biến động, kém sôi động hơn so với các năm trước bởi tác động của dịch bệnh viêm phổi cấp Covid-19. Nhưng do kịp thời khống chế hai đợt dịch, nên hạn chế nhiều về mức độ thiệt hại. Tính cả năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhẹ 4,7%.



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười Hai ước tính đạt 2.186,5 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 7% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung quý IV/2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 6.443,9 tỷ đồng, tăng 4,5% so với quý trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 5.026,8 tỷ đồng, tăng 4% và tăng 9,3%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 885,5 tỷ đồng, tăng 6% và tăng 3,5%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,6 tỷ đồng, giảm 29,2% và giảm 54,4%; doanh thu dịch vụ khác đạt 531,1 tỷ đồng, tăng 6,4% và tăng 2,2%.

Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 23.878,6 tỷ đồng, tăng 4,7% so với năm 2019. Trong đó, ngành bán lẻ hàng

hóa đạt 18.893,3 tỷ đồng, chiếm 79,12% và tăng 8,2%; dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 3.127,8 tỷ đồng, chiếm 13,10% và giảm 7,5%; du lịch lữ hành đạt 2,3 tỷ đồng, chiếm 0,01% và giảm 59,6%; dịch vụ khác đạt 1.855,2 tỷ đồng, chiếm 7,77% và giảm 5,2% so cùng kỳ.

Tác động của dịch bệnh đã làm cho lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến tỉnh giảm mạnh, sức mua tiêu dùng trong dân giảm; nhiều cửa hàng kinh doanh hàng hóa và dịch vụ phải đóng cửa tạm thời trong thời gian giãn cách xã hội. Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt cũng ảnh hưởng không nhỏ đến dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh.

Trong năm, trên địa bàn tỉnh diễn ra 2 đợt Hội chợ; Hội chợ Xuân Ninh Thuận 2020 diễn ra từ ngày 29-12-2019 đến hết ngày 4-1-2020 thu hút 70 cơ sở, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, với 130 gian hàng, trưng bày, giới thiệu các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu; Hội chợ Công Thương và sản phẩm OCOP Ninh Thuận năm 2020 từ ngày 16/11/2020 đến hết ngày 22/11/2020, có quy mô khoảng 300 gian của hơn 130 đơn vị, doanh nghiệp tham gia, trong đó doanh nghiệp trong tỉnh có 50 gian hàng/30 doanh nghiệp góp phần làm cho doanh thu thương nghiệp năm 2020 tăng lên.

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 toàn cầu vào tháng 2/2020 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh tế của nhiều ngành trong nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nói riêng; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều Văn bản, Chỉ thị tạm dừng các hoạt động cho kinh doanh, dịch vụ như: vũ trường, karaoke, phòng trà ca nhạc, câu lạc bộ hát với nhau, cơ sở xông hơi, mát xa, quán bar, internet, cơ sở làm đẹp, phẫu thuật thẩm mỹ, vật lý trị liệu, rạp chiếu phim, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, trò chơi có thưởng, lướt ván diều, các cơ sở luyện tập gym, thể dục thể thao, hồ bơi, vui chơi giải trí cho trẻ em. Các dịch vụ tắm nước ngọt và giữ xe bãi biển, buôn bán hàng rong, mua bán trên lòng đường, vỉa hè. Nhiều cửa hàng hoạt động trong lĩnh vực không phải mặt hàng thiết yếu đã đóng cửa không kinh doanh từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 23/4/2020 đã làm ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế, xã hội của tỉnh. Tiếp đến vào tháng 8/2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Việt Nam tiếp tục bước vào làn sóng lây nhiễm Covid-19 cộng đồng lần thứ 2 từ khi xuất hiện ca nhiễm Covid-19 tại Đà Nẵng vào cuối tháng 7/2020. Trước tình hình đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành Văn bản chỉ đạo về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trước diễn biến mới. Theo đó, từ ngày 11/8/2020, yêu cầu mọi người dân thực hiện nghiêm việc đeo khẩu trang tại nơi công cộng, trong công sở, trường học, nơi làm việc, khi

di chuyển trên các tuyến đường, trên các phương tiện giao thông công cộng, không tập trung quá 30 người tại nơi công cộng, ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện, giữ khoảng cách tối thiểu 01 mét khi tiếp xúc; Tạm dừng hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ không cần thiết, cụ thể: cơ sở mát xa, karaoke, quán bar, vũ trường, rạp chiếu phim, trò chơi điện tử trực tuyến, các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tiệc cưới hỏi, sự kiện có tập trung quá 30 người tại nơi công cộng; theo đó, doanh thu nhiều ngành dịch vụ trên địa bàn năm 2020 giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước đã tác động làm cho doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh năm 2020 chưa tăng cao so với năm 2019.

b. Vận tải hành khách và hàng hóa

Tình hình hoạt động vận tải (chỉ có vận tải đường bộ) có nhiều biến động trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh. Hoạt động vận tải tháng Mười Hai có những tín hiệu tích cực hơn với mức tăng 2,6% lượng hành khách vận chuyển và tăng 5,3% lượng hàng hóa vận chuyển so với tháng trước. Tính chung năm 2020, vận chuyển hành khách giảm 28,7% (quý IV giảm 2% so cùng kỳ 2019) và vận chuyển hàng hóa giảm 3,4% (quý IV tăng 10,6% so cùng kỳ 2019) so với năm 2019.



Vận tải hành khách tháng Mười Hai ước tính đạt 0,6 triệu lượt khách, tăng 2,6% so với tháng trước và 44,3 triệu lượt khách.km, tăng 5,7%; quý IV năm nay

vận tải hành khách đạt 1,7 triệu lượt khách, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước và 127,9 triệu lượt khách.km, giảm 3,4%. Tính chung cả năm 2020, vận tải hành khách đạt 4,9 triệu lượt khách, giảm 28,7% so với năm trước và 379 triệu lượt khách.km, giảm 30,5%.

Vận tải hàng hóa tháng Mười Hai ước tính đạt 0,8 triệu tấn, tăng 5,3% so với tháng trước và 59,2 triệu tấn.km, tăng 5,9%; quý IV năm nay vận tải hàng hóa ước tính đạt 2,3 triệu tấn, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước và 169 triệu tấn.km, tăng 8,5%. Tính chung năm 2020, vận tải hàng hóa đạt 7,5 triệu tấn, giảm 3,4% so với năm trước và 549,9 triệu tấn.km, giảm 5,2%.

c. Dịch vụ Bưu chính, Viễn thông

Hoạt động bưu chính, viễn thông năm 2020 đạt mức tăng khá về doanh thu mặc dù bị thiệt hại vì dịch bệnh Covid-19.

Toàn tỉnh có 02 doanh nghiệp và 10 Văn phòng đại diện hoạt động bưu chính, chuyên phát. Có 102 điểm phục vụ bưu chính (trong đó: 31 bưu cục; 39 bưu điện văn hóa xã; 32 điểm phục vụ thuộc loại hình khác). Cơ sở hạ tầng bưu chính chuyên phát trên địa bàn tỉnh vẫn giữ nguyên số lượng doanh nghiệp, số lượng Văn phòng đại diện và điểm cung cấp dịch vụ so với năm 2019. Sản lượng dịch vụ bưu chính ước thực hiện trong năm 2020 là 2.556.066 bưu gửi, tăng 8% so với cùng kỳ; doanh thu ước đạt 65,13 tỷ đồng tăng 7% so với cùng kỳ.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 07 doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet và truyền hình cáp. Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang để cung cấp dịch vụ internet cố định băng rộng và dịch vụ truy nhập internet 3G được phủ đến 100% số thôn có dân cư trên địa bàn toàn tỉnh; dịch vụ truy nhập internet 4G được phủ đến 100% số thôn có dân cư trên địa bàn toàn tỉnh. Tổng doanh thu sản xuất, kinh doanh trong toàn ngành năm 2020 ước đạt 742,67 tỷ đồng, tăng 6,4%.

Phát triển 7.450 thuê bao điện thoại (2.194 thuê bao di động trả sau và 5.256 thuê bao di động trả trước, 9.830 số thuê bao trả trước chuyển sang trả sau). Tổng số thuê bao điện thoại trên toàn tỉnh là 673.083 thuê bao¹⁵, đạt mật độ 113,3 thuê bao/100 dân (trong đó mật độ điện thoại cố định và di động trả sau đạt 14,85 thuê bao/100 dân). Phát triển 16.300 thuê bao internet băng rộng (960 thuê bao internet cố định, 3.454 thuê bao internet di động, 11.886 thuê bao di động 2G chuyển sang 3G, 4G); tổng số thuê bao internet băng rộng trên toàn tỉnh là 298.755 thuê bao (trong đó internet cố định băng rộng là 82.969 thuê bao, internet băng rộng di động là 215.786 thuê bao). Mật độ internet trên toàn tỉnh là 90,8 thuê bao/100 dân¹⁶.

¹⁵ Trong đó: điện thoại cố định 46.000 thuê bao, di động trả sau 42.200 và di động trả trước 584.883 thuê bao.

¹⁶ Mật độ thuê bao internet tăng cao là do quy đổi 82.969 thuê bao hộ gia đình thành 322.000 người sử dụng.

6. Xuất nhập, khẩu hàng hóa

a. Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 ước đạt 90 triệu USD, giảm 10% so cùng kỳ năm 2019 và tăng 12,5% so kế hoạch (80 triệu USD). Các mặt hàng xuất khẩu gồm: Thủy sản ước đạt 35 triệu USD, giảm 6,4% so cùng kỳ 2019; nhân điều ước đạt 30 triệu USD, giảm 32%; mặt hàng khác ước đạt 25 triệu USD, tăng 34,4%. Thị trường tiêu thụ chủ yếu là Mỹ, Nhật, Canada, Đức, Pháp, Trung Quốc, Hong Kong, Hà Lan, Anh, Singapore,.... Nhìn chung, năm 2020 kim ngạch xuất khẩu giảm do một số thị trường truyền thống bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch Covid-19.



Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 ước đạt 485 triệu USD, giảm 8,8% so cùng kỳ năm 2019 và tăng 29,3% so kế hoạch (375 triệu USD).

II. KIỂM SOÁT LẠM PHÁT, ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Chỉ số giá :

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2020 tăng 0,52% so với tháng trước và tăng 3,98% so với tháng 12 năm trước, chủ yếu do giá gạo trong nước tăng do giá gạo xuất khẩu của Việt Nam ở mức cao nhất kể từ năm 2011 và giá các mặt hàng nhiên liệu (gas, xăng dầu) tăng liên tiếp trong những tháng gần đây. Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,15% so với năm trước.

a) Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2020 tăng 0,52% so với tháng trước. Có 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI tháng Mười Hai tăng so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông tăng cao nhất 2,02% do ảnh hưởng từ các đợt điều chỉnh tăng khá mạnh giá xăng, dầu vào thời điểm 26/11/2020 và 11/12/2020; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,75% do giá gạo tăng; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,17% do giá gas tăng; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03%. 5/11 nhóm có CPI tháng Mười Hai ngang bằng so với tháng trước, gồm: đồ uống và thuốc lá; may mặc, mũ nón, giày dép; thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính viễn thông; giáo dục và dịch vụ giáo dục. 2/11 nhóm có CPI tháng Mười Hai giảm so với tháng trước, gồm: nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,04%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,02%.

Tính chung quý IV/2020, CPI tăng 2,89% so với cùng kỳ năm 2019, có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có CPI quý IV/2020 tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm giáo dục và dịch vụ giáo dục tăng 8,97%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,99%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,95%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,3%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,6%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,05%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,33%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,3%.



CPI bình quân năm 2020 tăng 5,15% so với bình quân năm 2019, đây là mức tăng bình quân năm cao nhất trong 4 năm qua¹⁷; CPI tháng 12/2020 tăng 3,98% so với tháng 12/2019. CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 12,55% so với năm trước (làm CPI chung tăng 5,24%); (2) Giá gas trong nước được điều chỉnh 8 lần tăng giá; (3) Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,46% so với năm trước chủ yếu do giá dịch vụ giáo dục (giá học phí đại học công lập tăng); (4) Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,05% do giá đồ trang sức bằng vàng tăng cao (tăng 26,62% so với năm trước).

Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2020: (1) Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá của nhóm du lịch trọng gói giảm 27,13% so với năm trước; (2) Giá xăng dầu được điều chỉnh giảm, nhu cầu đi làm thấp do ảnh hưởng của dịch Covid-19 cũng làm cho nhóm dịch vụ giao thông công cộng giảm 1,58% so với năm trước mà chủ yếu là giá vé máy bay giảm 64,35%, giá vé tàu hỏa giảm 94,44% so với năm trước; (3) Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng nên giá điện tháng 5, 6 và tháng 7 năm nay giảm.

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng tháng 12/2020 giảm 0,34% so với tháng trước; tăng 29,47% so với cùng kỳ năm 2019; bình quân năm 2020 tăng 26,62% so với năm 2019; giá vàng 9999 hiện ở mức 5.340.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2020 giảm 0,04% so với tháng trước và giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2019; bình quân năm 2020 tăng 0,17% so với năm 2019; giá Đô la Mỹ hiện ở mức 23.200 đồng/USD.

2. Đầu tư, xây dựng

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2020 đạt mức tăng 37,5% so với năm 2019, trong đó khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng 59% với tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư lớn nhất 78,7%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tụt giảm mạnh do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Riêng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước chưa cải thiện nhiều, đạt 84,1% kế hoạch năm, tăng 46,8% so với năm trước.

Vốn đầu tư phát triển thực hiện quý IV năm 2020 của tỉnh ước đạt 5.623 tỷ đồng, tăng 31,2% so với năm trước, trong đó: nguồn vốn nhà nước 1.554 tỷ đồng, tăng 3,5%; vốn ngoài nhà nước 3.541 tỷ đồng, tăng 44,3%; vốn đầu tư nước ngoài

¹⁷ Tốc độ tăng CPI bình quân năm so với năm trước một số năm như sau: năm 2017 tăng 4,49%; năm 2018 tăng 3,63%; năm 2019 tăng 2,66%; năm 2020 tăng 5,15%.

528 tỷ đồng, tăng 59,3%. Nguyên nhân tăng chủ yếu do đầu tư của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện gió và điện mặt trời tăng, tác động giúp tổng vốn đầu tư quý IV tăng 31,1% (tương ứng tăng 1.336 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2020 ước đạt 31.523 tỷ đồng, tăng 37,5% so với năm 2019; trong đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước ước đạt 3.992 tỷ đồng, chiếm 12,6% trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội và tăng 20,3%; khu vực ngoài nhà nước 24.799 tỷ đồng, chiếm 78,7% và tăng 59%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 2.732 tỷ đồng chiếm 8,7% và giảm 31,8%. Nguyên nhân tăng chủ yếu do nguồn đầu tư doanh nghiệp vào các dự án năng lượng tái tạo để được hưởng các chính sách vận hành thương mại trước ngày 1/1/2021 với giá điện 9,2 cent/kwh; đặc biệt đầu tư của tập đoàn Trung Nam vào đường dây 500 KV và nhà máy điện mặt trời 450 MW giá trị đầu tư 12.000 tỷ đồng thực hiện trong năm 2020, góp phần làm tăng vốn đầu tư của tỉnh trong năm nay so với năm 2019.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2020

	Tổng số (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	31.523	100,0	+37,5
Khu vực Nhà nước	3.992	12,6	+20,3
Khu vực ngoài Nhà nước	24.799	78,7	+59,0
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	2.732	8,7	-31,8

2. Tài chính, tín dụng

a. Tài chính

Tổng thu ngân sách tỉnh (ước đến ngày 31/12/2020) đạt 3.900 tỷ đồng và đạt 111% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó: Thu nội địa 2.700 tỷ đồng, đạt 100% dự toán được HĐND tỉnh giao, giảm 6,2% so với năm 2019; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.200 tỷ đồng, gấp 1,5 lần dự toán HĐND tỉnh giao. (Theo báo cáo ước năm 2020 của Sở tài chính)

Có 9/16 khoản thu dự kiến đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao, gồm: thu từ DNNN địa phương; thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ khu vực CTN và dịch vụ NQD; thu tiền sử dụng đất; thu thuế SDD phi nông nghiệp; thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; thu thuế bảo vệ môi trường; thu khác ngân sách; thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác.

Có 6/16 khoản thu không đạt dự toán HĐND tỉnh giao gồm: thu từ DNNN Trung ương; thuế thu nhập cá nhân; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thu lệ phí trước bạ; thu phí, lệ phí và thu xổ số kiến thiết.

Tổng chi ngân sách tỉnh ước đạt 6.401 tỷ đồng, đạt 99% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương 4.158 tỷ đồng, đạt 98% dự toán; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu 2.243 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.



b. Tín dụng

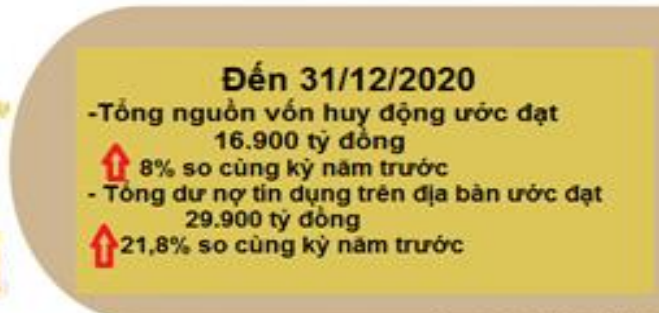
Hoạt động tiền tệ, ngân hàng trên địa bàn trong tháng 12/2020 ổn định và an toàn. Dự nợ tín dụng có sự tăng trưởng khá so với tháng trước và tăng cao so với cuối năm 2019, giúp các doanh nghiệp, hộ kinh doanh,... duy trì, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh trong hoàn cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid -19. Tín dụng chính sách được quan tâm thực hiện tốt. Công tác quản lý Nhà nước về tiền tệ, tín dụng thực hiện kịp thời, chặt chẽ, tuyệt đối an toàn, không để xảy ra sai sót, sự cố. Dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng huy động vốn tín dụng vẫn tăng 8% so với năm trước.

Huy động vốn: Ước đến 31/12/2020, huy động vốn đạt 16.900 tỷ đồng, tăng 1.252 tỷ đồng (+8%) so với cuối năm trước, bằng 96,4% so với kế hoạch đề ra, đáp ứng khoảng 58,3% nguồn vốn cho vay của các TCTD trên địa bàn¹⁸.

¹⁸ Trong đó: Tiền gửi tiết kiệm từ dân cư 11.600 tỷ đồng, chiếm 68,64%, tăng 919 tỷ đồng (+8,6%); tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn 5.050 tỷ đồng, chiếm 29,88%, tăng 339 tỷ đồng (+7,2%); phát hành giấy tờ có giá 250 tỷ đồng, chiếm 1,5%, giảm 6 tỷ đồng (-2,34%) so với cuối năm 2019.

Hoạt động tín dụng: ước đạt 29.900 tỷ đồng, tăng 5.352 tỷ đồng (+21,8%) so với cuối năm 2019, bằng 103,2% kế hoạch năm 2020¹⁹.

Chất lượng tín dụng: Tổng nợ xấu ước đến 31/12/2020 của các TCTD trên địa bàn là 160 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,54% trong tổng dư nợ, giảm 0,12% so với tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm cuối năm 2019 (số tuyệt đối giảm 2,7 tỷ đồng).



(Nguồn: NHNN chi nhánh Ninh Thuận)

Để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động SXKD, ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh các mức lãi suất cho vay bằng VND: lãi suất cho vay mới ngắn hạn VND 5 lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn; DNNVV; xuất khẩu; Công nghiệp hỗ trợ; DN ứng dụng công nghệ cao) giảm 1%/năm so với cuối năm 2019, ở mức 5%/năm (đối với các ngân hàng), 6%/năm (các quỹ tín dụng nhân dân), lãi suất cho vay các lĩnh vực SXKD thông thường ở mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động Ngân hàng Ninh Thuận vẫn còn một số khó khăn, hạn chế: **Huy động vốn** từ tổ chức kinh tế và dân cư có sự tăng trưởng nhưng với tốc độ còn thấp so với cùng kỳ, một phần do tác động bởi dịch Covid -19 đã ảnh hưởng đến thu nhập của một bộ phận người dân và doanh nghiệp; về **chất lượng tín dụng**, nợ xấu tuy trong tầm kiểm soát nhưng tiềm ẩn rủi ro phát sinh cao, nhất là trong tình hình sản xuất kinh doanh của một bộ phận khách hàng còn tiếp tục bị ảnh hưởng do dịch Covid-19, nợ nhóm 4, nhóm 5 chiếm tỷ trọng lớn (trên 80%) do hoạt động một số doanh nghiệp có dư nợ lớn gặp khó khăn, chậm phục hồi, thậm chí phá sản; công tác xử lý tài sản đảm bảo để **thu hồi nợ chậm**,...

¹⁹ Chia ra: Ngắn hạn: 14.900 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 49,83% trong tổng dư nợ, tăng 2.628 tỷ đồng (+21,41%) so với cuối năm 2019; Trung, dài hạn: 15.000 tỷ đồng, chiếm 50,17%, tăng 2.724 tỷ đồng (+22,19%) so với cuối năm 2019.

III. BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, Y TẾ, VĂN HÓA VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC

1. Dân số, lao động, việc làm và đời sống dân cư

Dân số: Ước tính dân số trung bình năm 2020 đạt 593.644 người, tăng 0,44% so với năm 2019; tỷ lệ tăng tự nhiên 9,23‰; tỷ suất sinh thô 15,51‰; tỷ suất chết thô 6,28‰; về cơ cấu nữ: 293.760 người, chiếm 49,48% và dân số theo khu vực thành thị đạt 209.598 người, chiếm 35,3%.

Lao động, việc làm: Theo báo cáo của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, năm 2020 đã giải quyết việc làm mới 17.383/16.500 lao động đạt 105,35% kế hoạch năm, tăng 1,22% so với năm 2019²⁰.

Đã tuyển mới đào tạo nghề cho 9.429/9.000 người, đạt 104,76% kế hoạch năm²¹; trong đó: Lao động nông thôn 2.872/2.600 người, đạt 110,46% kế hoạch năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60,17%, trong đó: Lao động qua đào tạo nghề đạt 45,09%, lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đạt 24,06%.

Hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2020 còn 5,33% (giảm 1,41% so với cuối năm 2019, đạt 141% kế hoạch)²².

Công tác chăm sóc người có công: ngày càng đi vào nền nếp và đạt được nhiều kết quả nhất định; đã giải quyết 452 hồ sơ người có công, xác lập và thực hiện thủ tục: 240 hồ sơ, nâng tổng số hồ sơ đang quản lý hơn 34.000 hồ sơ, trong đó trợ cấp hàng tháng có 3.544 hồ sơ. Tổ chức thăm tặng quà tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 và nhân kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh – Liệt sỹ cho các đối tượng người có công với cách mạng; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được các địa phương quan tâm tổ chức sâu rộng, thiết thực.

Về công tác giảm nghèo-bảo trợ xã hội: cấp 178.581 thẻ bảo hiểm y tế²³ cho người nghèo và hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh đã hỗ trợ một phần không nhỏ cho những người khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi của nhà nước, góp phần lớn vào thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn. Thực hiện trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng theo Nghị định 136/NĐ-CP cho 23.784 đối tượng. Tổng số đối tượng hiện đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội là 330 đối tượng; trong đó có 240 đối tượng đang quản lý và nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh²⁴,

²⁰ Trong đó: Giải quyết việc làm trong tỉnh: 6.136 lao động, chiếm 35,30%; lao động ngoài tỉnh: 11.179 lao động, chiếm 64,31%; xuất khẩu lao động: 68/150 lao động, chiếm 0,39%, đạt 45,34% so với chỉ tiêu giao.

²¹ Trong đó: Đào tạo dài hạn: 840 người, tuyển mới trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng 8.589 người.

²² Riêng huyện nghèo Bắc Ái tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 28,75%, giảm 5,5% so với chỉ tiêu (5%) đạt 110% kế hoạch giao.

²³ Trong đó: hộ nghèo là 13.224 thẻ, người DTTS là 113.723 thẻ, người sống vùng ĐBKK là 30.645 thẻ, hộ cận nghèo là 20.967 thẻ, nghèo đa chiều là 22 thẻ.

²⁴ Trong đó: Trẻ mồ côi: 54/31 nữ; Người cao tuổi: 15/11 nữ; Người tâm thần: 171/42 nữ (tâm thần đặc biệt nặng: 64/16 nữ, tâm thần nặng: 72/19 nữ, tâm thần phục hồi/thuyên giảm: 35/07 nữ).

có 90 đối tượng đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH tư nhân trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thăm, chúc thọ, mừng thọ cho 67 cụ tròn 100 tuổi nhân dịp Tết Nguyên đán và 662 cụ tròn 90 tuổi nhân ngày Người cao tuổi Việt Nam (06/6) và các đối tượng khác kịp thời. Tổ chức phân bổ, cấp phát 954,51 tấn gạo cứu đói cho nhân dân vùng hạn hán trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1495/QĐ-TTg ngày 02/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em: Tiếp tục phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em nói riêng cho chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình... Trong năm 2020, toàn tỉnh xảy ra 98 trường hợp trẻ em bị tai nạn thương tích làm tử vong 16 em (so với năm 2019 tăng 23 vụ, giảm 05 trường hợp tử vong); trong đó tử vong do đuối nước 11 em²⁵, 02 trẻ tử vong do tai nạn giao thông²⁶; 01 trẻ bị điện giật, 01 trẻ bị sét đánh và 01 trẻ tự tử.

Công tác tiếp nhận điều trị - cai nghiện chăm sóc phục hồi sức khỏe được quan tâm, thực hiện tốt. Trong năm 2020 tiếp nhận mới 165/08 nữ, trong đó có 128/07 nữ hoàn thành cai nghiện, tái hòa nhập cộng đồng²⁷; tổng số học viên đang quản lý tại cơ sở Cai nghiện ma túy là 118/04 nữ. Trong đó: Người trong tỉnh: 56/01 nữ; Người ngoài tỉnh: 25/03 nữ; Bắt buộc: 37/00 nữ.

2. Giáo dục, đào tạo

Kết quả đánh giá học sinh:

Học sinh cấp Tiểu học cuối học kỳ II năm học 2019-2020, xếp loại Năng lực và Phẩm chất đánh giá là Đạt trở lên có tỉ lệ duy trì trên 99,8%; cuối năm học 2019-2020, tỷ lệ xếp loại Học lực từ Trung bình trở lên cấp THCS đạt 96,16% (tăng 1,66%), cấp THPT đạt 91,96% (giảm 0,25%) so với năm học trước; tỷ lệ xếp loại Hạnh kiểm từ Trung bình trở lên đối với cấp THCS đạt 99,9% (tăng 0,1%), cấp THPT đạt 99,7% (tăng 0,2%) so với năm học trước.

Tỷ lệ học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt 92,68%²⁸; tỷ lệ tốt nghiệp cấp THCS toàn tỉnh đạt 99,79%²⁹ giữ nguyên tỷ lệ so với năm học 2018-2019; tỷ lệ học sinh THPT tốt nghiệp toàn tỉnh 94%³⁰, tăng 7,25 % so với năm học 2018-2019. 100% huyện, thành phố đều đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học

²⁵ Chia ra: huyện Ninh Phước: 05 em, huyện Bác Ái: 02 em, Ninh Sơn: 02 em, Thuận Nam: 02 em.

²⁶ Chia ra: huyện Ninh Phước: 01 em, huyện Thuận Bắc: 01 em.

²⁷ Cụ thể: Người trong tỉnh: 83/06 nữ; Người ngoài tỉnh: 36/00 nữ. Bắt buộc: 09/00 nữ.

²⁸ Số học sinh hoàn thành CT GDTH có 9.501 hs/10.251 hs, đạt tỷ lệ 92,68%, tăng 0,91% so với năm học trước.

²⁹ Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2019-2020 là 8.030 hs/8.047 hs toàn tỉnh, đạt tỷ lệ 99,79%.

³⁰ Tổng số học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT năm học 2019-2020 có 5.169 học sinh; trong đó GD THPT có 4.919 hs (tỷ lệ 94,91%), GDTX có 250 hv (tỷ lệ 75,53%).

cơ sở và XMC năm 2019. Số học sinh bỏ học cuối năm học 2019-2020 của ba cấp học có 1.452 hs/113.861 hs có mặt đầu năm, chiếm tỷ lệ 1,27%, tăng 0,2% so với cùng kỳ³¹.

Các hoạt động giáo dục: Tổ chức kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi THPT tham dự cấp quốc gia năm học 2019-2020 gồm 54 học sinh dự thi, kết quả đạt 04 giải Nhì, 06 giải Ba và 07 giải Khuyến khích³²; kỳ thi chọn học sinh giỏi THCS và THPT cấp tỉnh năm học 2019-2020 (có 414 học sinh cấp THPT và 303 học sinh cấp THCS dự thi ở 09 môn thi: Ngữ Văn, Toán, Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, Sử, Tin học, Tiếng Anh)³³; tổ chức Cuộc thi Khoa học kỹ thuật học sinh THPT cấp tỉnh năm học 2019-2020 (gồm 28 dự án, đề tài/10 lĩnh vực dự thi, trong đó cấp THPT 25 dự án/39 học sinh dự thi, cấp THCS 03 dự án/05 học sinh dự thi)³⁴; tổ chức Hội giao lưu giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn cấp Tiểu học toàn tỉnh năm học 2019-2020. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Cuộc thi trí tuệ Athena cấp tỉnh năm học 2019-2020 không tổ chức.

Tình hình năm học 2020-2021: toàn tỉnh có 312 cơ sở giáo dục, đào tạo (trong đó có 25 trường ngoài công lập)³⁵. So với năm học 2019- 2020, giảm 07 trường cấp Tiểu học để sáp nhập, hình thành 05 trường liên cấp TH-THCS.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Trường chuẩn quốc gia: Tính đến nay, tổng số trường đạt chuẩn là 131 trường, trong đó: trường phổ thông là 113/227 trường (Tiểu học 75 trường, THCS 29 trường, THPT 07 trường) đạt tỷ lệ 49,78%; trường mầm non 18/87 trường đạt tỷ lệ 20,68% hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015-2020.

Tính đến thời điểm cuối năm học 2019-2020 (tháng 5/2020), số học sinh Tiểu học học 2 buổi/ngày có 27.909/58.883 hs, đạt tỷ lệ 47,39%.

3. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Phòng chống dịch Covid-19: Trong năm 2020, toàn tỉnh có 03 trường hợp nhiễm dịch bệnh Covid-19, đó là các bệnh nhân: BN61, BN67 (người Việt, nhập cảnh, nhiễm bệnh 3/2020, được công bố khỏi bệnh tháng 4/2020) và BN1221

³¹ Cụ thể: cấp Tiểu học 73 hs/58.883 hs có mặt đầu năm, chiếm tỷ lệ 0,01% so với cùng kỳ không tăng; cấp THCS 829 hs/38.155 hs có mặt đầu năm, chiếm tỷ lệ 2,17%, so với cùng kỳ tăng 2,03%; cấp THPT 550 hs/16.823 hs có mặt đầu năm, chiếm tỷ lệ 2,96%, so với cùng kỳ tăng 0,31%.

³² 04 giải nhì: có 02 hs môn Ngữ văn, 02 hs môn Tiếng Anh; 06 giải Ba: 03 hs môn Hóa học, 01 hs môn Ngữ văn, 01 hs môn Lịch sử, 01 hs môn Tiếng Anh; 07 giải KK: có 01 hs môn Vật lý, 01 hs môn Hóa học, 02 hs môn Tin học, 02 hs môn Ngữ văn, 01 hs môn Tiếng Anh.

³³ Kết quả: Cấp THCS có 110 giải (5 Nhất, 20 Nhì, 85 Ba) cấp THPT có 166 giải (10 Nhất, 32 Nhì, 124 Ba).

³⁴ Kết quả: cấp THPT có 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 03 giải Ba, 11 giải Tư; cấp THCS có 03 giải Tư; trong đó có 02 dự án được chọn tham dự thi cấp quốc gia tại TP Đà Nẵng).

³⁵ bao gồm 87 trường cấp mầm non (trong đó có 23 trường ngoài công lập), 137 trường tiểu học, 50 trường THCS, 15 trường THPT, 09 trường liên cấp TH-THCS, 03 trường liên cấp THCS-THPT, 02 trường liên cấp TH-THCS-THPT (ngoài công lập 16), 05 trường Dân tộc nội trú, 01 trường chuyên, 02 Trung tâm, 01 Trường Cao đẳng sư phạm.

(chuyên gia người Đức, nhập cảnh, nhiễm bệnh 11/2020); trong đó, BN1221 sau 21 ngày điều trị có 04 lần xét nghiệm âm tính, sức khỏe ổn định đã được xuất viện, về tiếp tục cách ly tại nơi làm việc.

Các bệnh truyền nhiễm khác: Trong năm, phát hiện 455 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, giảm 70,6% so với năm 2019; bệnh tay chân miệng phát hiện 248 trường hợp, giảm 32,8%; sốt rét 06 trường hợp, giảm 88,5%. Chưa có trường hợp tử vong do ba bệnh trên. Các bệnh truyền nhiễm khác như Thủy đậu 82 trường hợp, tăng 06 trường hợp; Thương hàn (07 trường hợp), Quai bị 11 trường hợp, giảm 88,8%...

Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng: Phát hiện mới 16 bệnh nhân Tâm thần phân liệt (TTPL), giảm 44,8%; số bệnh nhân TTPL đang quản lý 679 trường hợp, trong đó điều trị ổn định đạt 97%. Số bệnh nhân động kinh mới phát hiện là 43 trường hợp, tăng 48,3%; số bệnh nhân động kinh đang quản lý 826 trường hợp, trong đó điều trị ổn định đạt 97%.

Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS

Xét nghiệm HIV 10.798 mẫu, phát hiện 33 trường hợp nhiễm HIV, trong đó có 26 trường hợp là người địa phương, giảm 12 trường hợp; 31 trường hợp chuyển sang AIDS, giảm 06 trường hợp; 08 trường hợp tử vong do AIDS, giảm 07 trường hợp; 200 trường hợp đang điều trị ARV, tăng 21 trường hợp; 71 trường hợp đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone, tăng 11 trường hợp.

Tính từ 1995 đến nay, toàn tỉnh có 560 trường hợp nhiễm HIV (nam 399, nữ 161), chuyển sang AIDS 430 trường hợp, tử vong do AIDS 215 trường hợp. Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng hiện tại là 0,05%.

Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh An toàn thực phẩm (VSATTP)

Triển khai các hoạt động tuyên truyền về bảo đảm ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng trong dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP và tết Trung thu năm 2020. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục “Nói không với thực phẩm bẩn” với tần suất 3 lần/tuần. Toàn tỉnh tổ chức 184 đoàn thanh, kiểm tra về an toàn thực phẩm.

4. Hoạt động văn hóa, thể thao

Lĩnh vực Văn hóa: Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch, trưng bày, triển lãm nhân kỷ niệm các ngày lễ Tết và các sự kiện của tỉnh; tiêu biểu là Chương trình Countdown “Ninh Thuận - Chào năm mới 2020”, hoạt động văn hóa, nghệ thuật chào đón Tết dương lịch, Mừng Đảng – Mừng Xuân và đón Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 phục vụ nhân dân trên toàn tỉnh; các hoạt động văn hóa – văn nghệ chào mừng Đại hội Thi đua yêu nước, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Lễ phát động

Chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”; lễ hội Katê của dân tộc Chăm.

Lĩnh vực thể dục, thể thao: Phối hợp với Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội tổ chức Ngày Quốc tế Yoga. Hỗ trợ Cơ sở bóng đá cộng đồng Dream Football Ninh Thuận tham dự Vòng loại khu vực Giải bóng đá nhi đồng U11 và thiếu niên U13 năm 2020; giới thiệu các võ sinh Karatedo tham dự kỳ thi lên đại quốc gia môn Karatedo năm 2020 tại tỉnh Đắk Lắk. Tổ chức Giải Bóng rổ không chuyên tỉnh Ninh Thuận năm 2020.

Tổ chức đào tạo 13 đội thể thao ở các môn: Taekwondo, Điền kinh, Vovinam, Karatedo, Quần vợt, Cầu lông, Cờ vua; với 16 huấn luyện viên và 50 vận động viên. Tham dự 14 giải thể thao, trong đó có 11 giải quốc gia, 03 giải khu vực mở rộng, đạt 41 huy chương các loại (Quốc gia: 07 HCV, 06 HCB, 14 HCD; Khu vực: 09 HCV, 03 HCB, 02 HCD). Tổ chức 01 giải thể thao quốc tế³⁶, 02 giải thể thao quốc gia³⁷, 09 giải thể thao cấp tỉnh; 03 giải thể thao phối hợp liên tịch cấp tỉnh và 15 giải thể thao phối hợp với các Sở, ban ngành.

5. Tai nạn giao thông

Trong tháng Mười Hai (từ ngày 15/11 đến 14/12/2020), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 19 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 05 vụ tai nạn giao thông tử nghiêm trọng trở lên và 14 vụ va chạm giao thông, làm 06 người chết và 20 người bị thương. **So với cùng kỳ năm 2019**, số vụ tai nạn giao thông tăng 10 vụ (Số vụ tai nạn giao thông tử nghiêm trọng trở lên tăng 04 vụ và số vụ va chạm giao thông tăng 06 vụ); số người chết tăng 05 người và số người bị thương tăng 08 người.

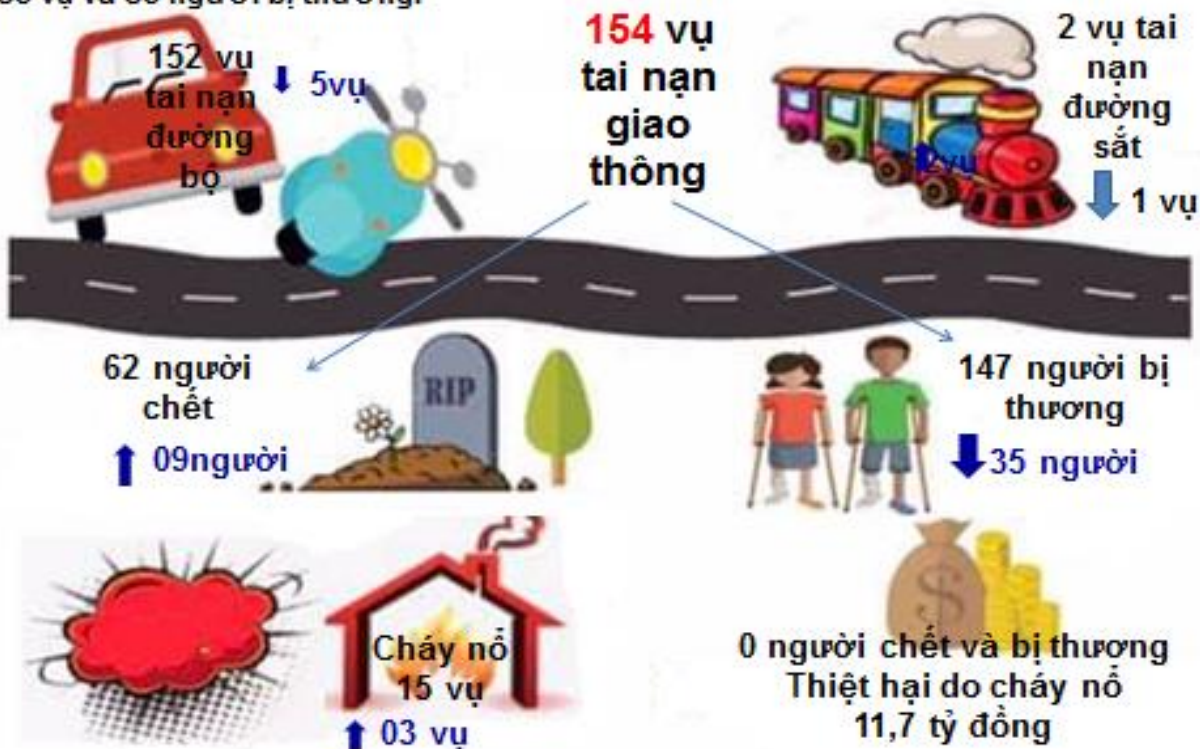
Trong năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 154 vụ tai nạn giao thông, làm 62 người chết và 147 người bị thương. **So với năm 2019**, tai nạn giao thông giảm hai tiêu chí số vụ tai nạn và số người bị thương nhưng tăng tiêu chí số người chết. Số vụ tai nạn giao thông năm 2020 giảm 3,7% (-6 vụ) so với năm trước; số người chết tăng 17% (+9 người); số người bị thương giảm 19,2% (-35 người). Trong tổng số 154 vụ tai nạn giao thông có 152 vụ (chiếm 98,7%) xảy ra trên đường bộ, làm 60 người chết và 147 người bị thương. Bình quân 2,5 ngày xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông.

³⁶ Đón và đưa Giải đua xe đạp nữ Quốc tế Bình Dương "Cúp Biwase" lần thứ X năm 2020.

³⁷ Đón và đưa Giải đua xe đạp tranh Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp với Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng tổ chức Vòng loại bảng 3 Giải Bóng Đá Nhi đồng toàn quốc Cúp Kun siêu phàm và Giải Bóng đá Thiếu niên Toàn Quốc Yamaha Cup 2020.

TRẬT TỰ , AN TOÀN XÃ HỘI

Trật tự, an toàn xã hội được kiểm soát chặt chẽ; tai nạn giao thông giảm 2 tiêu chí: số vụ và số người bị thương.



6. Tình hình cháy, nổ

Trong tháng Mười Hai xảy ra 01 vụ cháy tại phòng điều khiển lò hơi và kho chứa bã mía của Công ty cổ phần đường Biên Hòa- Phan Rang tại thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, không thiệt hại về người, tài sản thiệt hại khoảng 1 tỷ đồng, hiện chưa rõ nguyên nhân gây cháy.

Lũy kế 12 tháng năm 2020 xảy ra 15 vụ cháy, tăng 03 vụ so cùng kỳ, không có trường hợp thương vong (giảm 01 trường hợp bị thương so với năm trước), thiệt hại tài sản gần 11,7 tỷ đồng, tăng 64,1% so cùng kỳ. Vụ nổ không xảy ra.

Khái quát lại, Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020 trong bối cảnh có nhiều khó khăn thách thức, nhất là bị tác động của đại dịch Covid-19 và hạn hán gay gắt kéo dài đã ảnh hưởng lớn và toàn diện đến kinh tế - xã hội của Tỉnh, trước tình hình đó, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, chuyển hướng linh hoạt kịp thời, khai thác có hiệu quả các nhóm ngành đột phá, trụ cột, các dự án động lực thay thế, vừa tích cực phòng chống dịch Covid-19 và ứng phó hiệu quả hạn hán, vừa tập trung phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 chuyển biến tích cực, kinh tế tăng trưởng cao, một số lĩnh vực tăng mạnh; sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao; các khâu đột phá về hạ tầng

truyền tải và năng lượng tái tạo có chuyên biến tích cực, khắc phục tình trạng giảm phát các dự án năng lượng tái tạo; chỉ số công nghệ thông tin (ICT) và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được cải thiện³⁸; thu ngân sách và tổng mức đầu tư toàn xã hội vượt kế hoạch đề ra, cơ cấu đầu tư chuyển dịch đúng hướng, số doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh, chất lượng doanh nghiệp được nâng lên; công tác phòng chống dịch, nhất là dịch Covid-19 được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả đã kiểm soát, khống chế được dịch bệnh, không để lây lan, bùng phát trong cộng đồng; công tác phòng chống hạn được chủ động triển khai và đạt kết quả khá tích cực; vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo được thực hiện tốt hơn; công tác tổ chức cho nhân dân vui xuân đón Tết Nguyên Đán đạt được mục tiêu; quân sự quốc phòng được giữ vững; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo. Đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIV.

Đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng những khó khăn, hạn chế của năm 2020 đã được chỉ rõ: (1) Tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt thấp là một điểm nghẽn, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế; (2) Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch tiếp tục giảm mạnh; (3) Một số ngành hàng công nghiệp chế biến tiếp tục gặp khó khăn; (4) Đời sống một bộ phận dân cư vùng hạn hán, miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

IV. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của các ngành, lĩnh vực trong năm 2020. Nhằm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, tỉnh Ninh Thuận cần phải thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

1. Tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời các Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV, Quy hoạch 10 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Tỉnh.

2. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả theo các chuyên đề về phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, kinh tế đô thị, cải cách hành chính, phát triển năng lượng, tăng thu tiền đất; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế.

3. Tăng cường công tác thông tin, phổ biến kịp thời các chủ trương, quyết sách lớn, các kế hoạch triển khai của Trung ương, của Tỉnh về phát triển kinh tế-xã

³⁸ Năm 2019 chỉ số công nghệ thông tin (ICT) đứng thứ 14/63, tăng 7 bậc, chỉ số PCI đứng thứ 37/63, tăng 6 bậc so năm 2018

hội nhằm tạo đồng thuận cao và huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng xã hội góp phần hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2021.

4. Tạo cơ chế thu hút nguồn lực thông qua công tác quản lý và huy động tốt nhất nguồn lực đất đai, nguồn lực các thành phần kinh tế để khai thác hiệu quả các nhóm ngành đột phá, trụ cột; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, hội họp; đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử.

6. Thực hiện tốt các Chương trình, đề án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đối với các nhóm ngành trụ cột, đột phá. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

7. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ trong thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo số 416/TB-VPCP. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài.

8. Tăng cường công tác dân vận trong các cơ quan, đơn vị hành chính các cấp, gắn đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nhân rộng các điển hình, mô hình tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống. Đổi mới công tác thanh tra theo hướng tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước, thanh tra trách nhiệm về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp và Phổ biến thông tin TK (b/c);
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hương